

Số: *3220*/QĐ-UBND

Quảng Bình, ngày *08* tháng *10* năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Phương án Quản lý rừng bền vững
Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng giai đoạn 2021 - 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Di sản văn hóa năm 2001;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa năm 2009;

Căn cứ Luật Đa dạng sinh học năm 2008;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2014;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp năm 2017;

Căn cứ Luật Du lịch năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững;

Căn cứ Quyết định số 4534/QĐ-UBND ngày 15/12/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Quảng Bình đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định 3445/QĐ-UBND ngày 22/9/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đề cương, nhiệm vụ, dự toán kinh phí xây dựng Phương án quản lý rừng bền vững Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng giai đoạn 2021-2030;

Xét đề nghị của Ban Quản lý Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng tại Tờ trình số 599/TTr-VQG ngày 18/8/2021 về việc phê duyệt Phương án Quản lý rừng bền vững Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng giai đoạn 2021-2030 kèm theo Hồ sơ Phương án quản lý rừng bền vững;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình,

số 2113/TTr-SNNPTNT ngày 26/8/2021 kèm theo Báo cáo thẩm định và Công văn số 2466/SNN-KL ngày 04/10/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng giai đoạn 2021 - 2030, với các nội dung chính như sau:

1. Đặc điểm hiện trạng của đơn vị

a) Thông tin chung:

- Tên chủ rừng: Ban Quản lý Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng.

- Địa chỉ: Thị trấn Phong Nha, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- Tổng diện tích quản lý: 124.839,96 ha.

- Vị trí: Nằm trên địa bàn xã Phú Định, xã Phúc Trạch, thị trấn Phong Nha, xã Tân Trạch, xã Thượng Trạch, xã Xuân Trạch, huyện Bố Trạch; xã Dân Hóa, xã Thượng Hóa, xã Hóa Sơn, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.

b) Hiện trạng sử dụng đất và tài nguyên rừng:

- Hiện trạng sử dụng đất: Tổng diện tích đất được giao quản lý 124.839,96 ha. Hiện trạng sử dụng đất tính đến tháng 12 năm 2020 được phân theo đơn vị hành chính cấp xã (Chi tiết có Phụ lục 1 kèm theo).

- Hiện trạng tài nguyên rừng: Tổng diện tích rừng và đất rừng của Ban Quản lý Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng: 124.832,55 ha, trong đó: đất rừng đặc dụng 121.325,39 ha; đất rừng phòng hộ 3.153,80 ha và đất rừng sản xuất 353,36 ha (Chi tiết có Phụ lục 2 đính kèm).

+ Tổng trữ lượng các loại rừng: 13.258.383,20 m³ gỗ; 357,22 nghìn cây tre nứa, trong đó:

* Gỗ rừng tự nhiên có trữ lượng 13.257.418,20 m³, gồm: Rừng giàu 67.629,3 m³; Rừng trung bình 9.857.038,1 m³; Rừng nghèo 3.184.116,8 m³; Rừng nghèo kiệt 136.536,8 m³.

* Gỗ rừng trồng có trữ lượng 965,0 m³

+ Đa dạng loài thực vật rừng, động vật rừng chủ yếu:

* Đa dạng thực vật rừng: Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng có 2.952 loài thực vật bậc cao có mạch thuộc 822 chi, 174 họ, 05 ngành. Trong đó có 209 loài quý, hiếm và đặc hữu, cụ thể: 115 loài thuộc sách đỏ thế giới IUCN; 97 loài thuộc sách đỏ Việt Nam; 21 loài trong Nghị định số 06/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

* Đa dạng động vật rừng: Có 822 loài động vật có xương sống thuộc 134 họ, 42 bộ, thuộc 05 lớp, trong đó có 180 loài quý, hiếm và đặc hữu: 110 loài thuộc sách đỏ thế giới IUCN; 90 loài thuộc sách đỏ Việt Nam; 38 loài trong Công ước Cites; 94 loài nằm trong Nghị định 06/2019/NĐ-CP của Chính phủ

cần phải quản lý, bảo tồn, phát triển.

2. Mục tiêu của Phương án

- Nhằm quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng bền vững tài nguyên rừng; bảo tồn các nguồn tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học (ĐDSH), các nguồn gen động, thực vật nguy cấp, quý hiếm, sinh thái cảnh quan, các giá trị văn hoá lịch sử và các giá trị dịch vụ môi trường rừng, hướng tới quản lý theo các kế hoạch một cách bền vững về trên ba khía cạnh kinh tế, xã hội và môi trường.

- Khai thác các tiềm năng, lợi thế về cảnh quan thiên nhiên, ĐDSH, giá trị di sản, di tích lịch sử, văn hóa, môi trường rừng và cơ sở hạ tầng để phát triển du lịch sinh thái (DLST) và cho thuê môi trường rừng nhằm từng bước hình thành cơ chế tự chủ về tài chính, tạo việc làm, nâng cao đời sống của nhân dân trong vùng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của các địa phương.

- Tạo môi trường nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế để thu hút nguồn lực phục vụ bảo tồn và phát huy Di sản; nâng cao năng lực quản lý.

- Xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ cho quản lý, bảo vệ, bảo tồn và phát triển bền vững tài nguyên rừng, giữ gìn và bảo tồn các giá trị của Di sản; góp phần cải thiện điều kiện cơ sở hạ tầng nông thôn và nâng cao chất lượng cuộc sống cho cộng đồng dân cư trong khu vực nhằm bảo đảm mục tiêu phát triển bền vững.

- Nâng cao nhận thức của cộng đồng người dân địa phương về tầm quan trọng, giá trị của nguồn tài nguyên rừng và ĐDSH, giá trị của Di sản thiên nhiên thế giới và Di tích quốc gia đặc biệt. Tăng cường sự tham gia của chính quyền các địa phương và cộng đồng vào các hoạt động bảo vệ rừng, bảo tồn thiên nhiên, bảo vệ Di sản và phát triển du lịch.

- Phát huy hiệu quả về phòng hộ, điều tiết nguồn nước, thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ đóng góp ngân sách với nhà nước và phúc lợi cho cộng đồng địa phương.

3. Kế hoạch triển khai thực hiện

a) Kế hoạch sử dụng đất:

Tổng diện tích đất đến năm 2030 do Ban Quản lý VQG Phong Nha - Kẻ Bàng quản lý là: 124.839,96 ha. Trong đó:

- Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt có kế hoạch điều chỉnh 35,50 ha của khu vực dân cư Bản Đòng từ phân khu chức năng bảo vệ nghiêm ngặt sang vùng đệm bên trong của Vườn để người dân bản Đòng có cơ sở pháp lý sử dụng lâu dài.

- Không thay đổi kế hoạch sử dụng đối với 3.167,17 ha đất rừng phòng hộ.

- Diện tích đất rừng sản xuất của VQG Phong Nha - Kẻ Bàng trong giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030 duy trì ổn định là 324,84 ha.

b) Kế hoạch khoán bảo vệ và phát triển rừng cho hộ gia đình, cộng đồng dân cư:

Dự kiến khoán bảo vệ rừng ổn định hàng năm trên diện tích 80.000 ha

rừng đặc dụng, 2.000 ha rừng phòng hộ cho các hộ gia đình, nhóm hộ gia đình và cộng đồng dân cư theo các chủ trương, chính sách của nhà nước.

c) Kế hoạch quản lý bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển rừng

- Bảo vệ rừng:

+ Đối tượng bảo vệ: Toàn bộ diện tích 119.167,85 ha rừng hiện có và đất lâm nghiệp giao cho đơn vị quản lý, thuộc phạm vi 110 tiểu khu và nằm trên địa phận của 06 xã thuộc huyện Bố Trạch và 03 xã thuộc huyện Minh Hóa.

+ Biện pháp thực hiện:

* Tổ chức bảo vệ rừng thông qua việc tổ chức hoạt động của Hạt Kiểm lâm Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng; khoán bảo vệ rừng với cộng đồng dân cư, người dân địa phương.

* Cắm bổ sung mốc, bảng ranh giới phân định ranh giới vườn Quốc gia, ranh giới các phân khu chức năng, ranh giới các khu vực cho thuê môi trường rừng để kinh doanh du lịch sinh thái và giảm thiểu tình trạng xâm lấn tài nguyên rừng.

* Tổ chức thường xuyên các hoạt động tuần tra, kiểm tra rừng. Nâng cao chất lượng kiểm tra, giám sát tài nguyên rừng, kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi xâm hại rừng, đất rừng theo quy định của pháp luật.

* Duy trì hoạt động tuần tra bảo vệ rừng của 21 nhóm bảo tồn thôn bản tại những khu vực đã triển khai hiện có.

* Tăng cường thực hiện quy chế phối hợp giữa Ban quản lý Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng với các ngành, cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để nâng cao hiệu quả bảo vệ rừng.

- Phòng cháy và chữa cháy rừng


+ Đối tượng là toàn bộ diện tích rừng được giao, đặc biệt là ở những khu vực có nguy cơ cháy rừng cao.

+ Biện pháp thực hiện:

* Thực hiện các biện pháp phòng cháy chữa cháy rừng tại Ban quản lý Vườn theo phương châm 4 tại chỗ. Xây dựng phương án phòng cháy, chữa cháy rừng và hàng năm rà soát, điều chỉnh, bổ sung phương án sát, đúng với tình hình thực tế của đơn vị.

* Tổ chức trực cháy vào mùa khô hàng năm nhằm phát hiện sớm, huy động lực lượng chữa cháy kịp thời, hạn chế thiệt hại do cháy rừng gây ra.

* Đầu tư cơ sở hạ tầng, phương tiện, trang thiết bị giúp triển khai các hoạt động phòng cháy, chữa cháy rừng hiệu quả.

- Phòng trừ sinh vật gây hại rừng: Dự tính, dự báo sớm và kịp thời phòng trừ sinh vật gây hại rừng. Hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do sinh vật gây hại gây ra, góp phần nâng cao chất lượng rừng, bảo tồn giá trị đa dạng sinh học, đặc biệt là ở những khu vực có diện tích rừng trồng. 

- Bảo tồn đa dạng sinh học và duy trì, phát triển các khu rừng có giá trị bảo tồn cao:

+ Bảo tồn các giá trị di sản về đa dạng sinh học; bảo vệ nguyên vẹn các khu rừng có giá trị đa dạng sinh học cao và phục hồi các sinh cảnh tự nhiên bị suy thoái, phục hồi phát triển loài động, thực vật trong Vườn Quốc gia. Đến năm 2030 đảm bảo phục hồi lại 20% số quần thể và cá thể động vật rừng đã bị suy giảm mạnh về số lượng, đồng thời giảm thiểu 70% các đe dọa đến ĐDSH của Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng.

+ Biện pháp thực hiện:

* Tăng cường quản lý rừng đặc dụng và rừng phòng hộ của Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng, nâng cao chất lượng quản lý, tuần tra bảo vệ rừng, giám sát đa dạng sinh học và theo dõi diễn biến rừng.

* Tăng cường hiệu quả thực thi pháp luật đối với tội phạm hủy hoại rừng và động vật hoang dã, ngăn chặn các hành vi phá rừng, khai thác lâm sản, bắt bẫy động vật rừng. Phối hợp với các cơ quan chức năng điều tra, xác minh và xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

* Nâng cao nhận thức bảo tồn nhằm thay đổi hành vi về khai thác, sử dụng và bảo vệ đa dạng sinh học. Phối hợp với các dự án, chính quyền, đoàn thể tăng cường công tác truyền thông nhằm thay đổi hành vi của xã hội, giảm nhu cầu tiêu thụ động, thực vật rừng.

* Thúc đẩy sản xuất, kinh doanh thân thiện với bảo tồn cho cộng đồng sống phụ thuộc vào rừng.

* Hợp tác bảo tồn liên biên giới, đặc biệt là hợp tác với Vườn Quốc gia Hin Namno thuộc nước CHDCND Lào về bảo tồn đa dạng sinh học.

* Kiểm soát các loài ngoại lai xâm hại tại vùng đệm và các điểm tuyến tham quan du lịch. Xây dựng và thực hiện các hoạt động giám sát đa dạng sinh học đặc biệt là các loài động, thực vật quý hiếm, đặc hữu trong Vườn Quốc gia.

* Duy trì và phát triển các hoạt động cứu hộ động vật hoang dã và bảo tồn phát triển sinh vật. Mua sắm các trang thiết bị phục vụ công tác bảo tồn đa dạng sinh học.

- Phát triển rừng: Sản xuất cây giống và trồng làm giàu rừng, trồng mới rừng đặc dụng, trồng cây phân tán, trong đó:

+ Làm giàu rừng tự nhiên: Phát thực bì (dây leo, cây bụi, chặt bỏ cây cong queo sâu bệnh, cây phi mục đích) và trồng bổ sung vào rừng một số loài cây gỗ bản địa một cách hợp lý nhằm tạo cảnh quan trên các tuyến đường du lịch.

* Quy mô thực hiện trên diện tích 50 hecta thuộc các phân khu dịch vụ hành chính và phục hồi sinh thái.

* Xử lý loài Bìm Bôi xâm hại và làm giàu rừng tự nhiên khoảng 100 ha.

* Địa điểm thực hiện: Một số khu vực rừng tại trục đường Hồ Chí Minh

nhánh Tây, đường 20 Quyết Thắng, tại Tiểu khu 615 và khu vực rừng thuộc khu du lịch thung lũng Sinh Tồn, hang Thủy Cung và điểm du lịch sinh thái và diễn giải môi trường Vườn thực vật...

+ Trồng mới và chăm sóc rừng đặc dụng: Trồng mới 80 ha cây gỗ bản địa có giá trị kinh tế và bảo tồn cao, cây dược liệu quý hiếm tại những khu vực có đất trống và chăm sóc rừng đã trồng trước đây với diện tích 50 ha.

+ Sản xuất 10.000 cây gỗ bản địa quý hiếm đặc trưng của Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng, 20.000 cây gỗ bản địa có giá trị kinh tế cao để trồng những địa điểm phù hợp trong các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ban quản lý Vườn và cung cấp cho các địa phương, đơn vị trên địa bàn.

d) Kế hoạch nghiên cứu khoa học, giảng dạy, đào tạo nguồn nhân lực

- Tổ chức thực hiện các chương trình, đề tài, dự án nghiên cứu khoa học theo danh mục nhằm phục vụ tốt công tác quản lý, bảo vệ rừng và bảo tồn đa dạng sinh học, gồm: Điều tra đa dạng hệ thực vật; nghiên cứu thực trạng đặc điểm sinh thái học của các loài động vật nguy cấp, quý hiếm có giá trị kinh tế cao; xây dựng hệ thống ô định vị nghiên cứu diễn thế rừng; điều tra, nghiên cứu lâm sản ngoài gỗ, sử dụng bền vững lâm sản ngoài gỗ...

- Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ Ban quản lý Vườn, gồm: Hỗ trợ đào tạo cán bộ nghiên cứu sau đại học; đào tạo chuyên sâu về động vật, thực vật, cứu hộ động vật, bảo tồn các loài động, thực vật; bồi dưỡng chuyên sâu về nghiệp vụ phát triển DLST cho cán bộ ở Trung tâm du lịch; tập huấn công nghệ GIS cho cán bộ chuyên môn của Vườn Quốc gia; tập huấn theo dõi diễn biến tài nguyên rừng cho lực lượng kiểm lâm...

e) Kế hoạch phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí

- Kế hoạch phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong Vườn Quốc gia hướng tới việc trở thành trung tâm du lịch mạo hiểm của Đông Nam Á. Nội dung cơ bản bao gồm:

+ Xây dựng và triển khai thực hiện Đề án phát triển du lịch sinh thái, cho thuê môi trường rừng tại các địa điểm có tiềm năng về du lịch nghỉ dưỡng, cảnh quan tự nhiên đẹp, nguyên sơ...

+ Tiếp tục nâng cao chất lượng các sản phẩm du lịch hiện có, bao gồm:

* *Du lịch khám phá thiên nhiên, thám hiểm hang động*: Chinh phục Sơn Đoòng - hang động lớn nhất thế giới; khám phá thiên nhiên rào Thương - hang Én; khám phá thung lũng Hamada - hang Trạ Ang, hệ thống hang Vòm, hang Va - hang Nước Nứt, Hang Đại Á - Over - Pygmy; hang Vòm - giếng Voọc; rừng Gáo - hang Ô Rô - hang Hoàn Mỹ, vv...

* *Du lịch tham quan*: Hệ thống hang động như động Thiên Đường, động Phong Nha, động Tiên Sơn, Sông Chày - Hang Tỏi, suối Moọc...

* *Du lịch trải nghiệm gắn với hệ sinh thái rừng*: Tham quan trải nghiệm Khu nuôi thả bán hoang dã Núi Đồi, Khu cứu hộ động vật hoang dã, Vườn thực vật... ✓

* *Du lịch tìm hiểu di tích lịch sử*: Hang tám Thanh niên xung phong (hang Tám Cô), hang Thông tin, bến phà Xuân Sơn, sân bay Khe Gát, bến phà Nguyễn Văn Trỗi, các di tích lịch sử trên đường 20 Quyết Thắng và hệ thống đường Hồ Chí Minh huyền thoại...

+ Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng Khu du lịch sinh thái Động Thiên Đường nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, tạo ra các sản phẩm du lịch độc đáo, mới lạ và thân thiện với môi trường xứng tầm với các giá trị và thương hiệu của Khu du lịch này.

+ Điều chỉnh, kết nối các tuyến du lịch dọc đường 20 Quyết Thắng và đường Hồ Chí Minh nhánh Tây nhằm tạo ra một hành lang du lịch từ Trạm Kiểm lâm Km 6 đến khu vực núi U Bò.

+ Kết hợp Điểm du lịch sinh thái suối Nước Moọc và Zipline Sông Chày - Hang Tối để tạo thành một khu phức hợp du lịch độc đáo và phát huy hết các giá trị tài nguyên của 2 khu vực này.

+ Định hướng phát triển các loại hình, sản phẩm du lịch mới về du lịch nghỉ dưỡng theo hướng ưu tiên du lịch nghỉ dưỡng cao cấp. Phát triển các loại hình du lịch mạo hiểm; du lịch khám phá thiên nhiên, nghỉ dưỡng kết hợp chữa bệnh; du lịch dịch vụ nghiên cứu khoa học, tìm hiểu đa dạng sinh học; du lịch kết hợp hội nghị, hội thảo, triển lãm tổ chức sự kiện, du lịch lễ hội... tại các khu rừng trong lâm phận và kết nối với các khu du lịch tại vùng đệm (Chi tiết cụ thể tại Đề án phát triển du lịch sinh thái, cho thuê môi trường rừng sẽ xây dựng sau khi Phương án quản lý rừng bền vững được phê duyệt).

f) Xây dựng hạ tầng phục vụ quản lý bảo vệ, phát triển rừng và du lịch sinh thái, bao gồm các hạng mục xây dựng chính như sau:

- Sửa chữa, nâng cấp, xây dựng mới hệ thống cơ sở hạ tầng để phục vụ công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học và kinh doanh du lịch sinh thái gồm: Trụ sở các Trạm Kiểm lâm, Hạt Kiểm lâm, chốt bảo vệ rừng, trung tâm cứu hộ, bảo tồn và phát triển sinh vật; Trung tâm du lịch Phong Nha - Kẻ Bàng; cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch sinh thái và các công trình hạ tầng phục vụ quản lý, bảo vệ, phát triển rừng khác.

- Xây dựng mới hệ thống cơ sở hạ tầng để phục vụ tốt công tác bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, gồm: Các chòi quan sát lửa rừng; hệ thống bảng dự báo cấp cháy rừng, các biển thông tin tuyên truyền, các biển cấm lửa rừng, biển cấm chặt phá rừng, săn bắt động vật rừng. Mua sắm trang thiết bị phục vụ cho công tác bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng.

g) Hoạt động dịch vụ cho cộng đồng

- Thực hiện các dịch vụ cho cộng đồng nhằm hỗ trợ phát triển sinh kế cho người dân sống ven rừng và giảm áp lực đối với tài nguyên thiên nhiên trong Vườn Quốc gia.

- Nội dung: Hỗ trợ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế xã hội cho các xã vùng đệm theo các chính sách của Nhà nước. Hỗ trợ xây dựng

các mô hình sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản bền vững, thích ứng biến đổi khí hậu cho cộng đồng dân cư trên địa bàn; tổ chức các lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực, kỹ năng cho những người tham gia các hoạt động du lịch, tạo điều kiện để người dân tham gia chuỗi kinh doanh du lịch tạo việc làm và tăng thu nhập ổn định cho người dân...

h) Hoạt động chi trả dịch vụ môi trường rừng và cho thuê môi trường rừng

- Cung ứng dịch vụ môi trường rừng hoặc cho các tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí. Tham gia cung ứng dịch vụ môi trường rừng đối với dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các - bon của rừng;

- Từng bước nghiên cứu bổ sung dịch vụ Ion âm tại Khe Máy Bay, Trạ Ang và Thác Gió.

k) Hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật

- Triển khai nội dung tuyên truyền tại các thôn, xã vùng đệm thông qua các buổi họp xã, họp thôn nhằm nâng cao nhận thức của người dân về vai trò và tầm quan trọng của rừng đối với đời sống xã hội, các quy định của pháp luật về nghĩa vụ, trách nhiệm của người dân trong việc tham gia bảo vệ rừng.

- Kế hoạch bao gồm: Tổ chức hội nghị tuyên truyền giáo dục, nâng cao nhận thức; xây dựng chiến lược giáo dục và nâng cao nhận thức cho cộng đồng địa phương; phối hợp tổ chức tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về công tác quản lý bảo vệ rừng; hợp đồng xây dựng các ấn phẩm truyền thông về bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học...

l) Theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, điều tra, kiểm kê rừng

- Theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, quản lý, giám sát đa dạng sinh học

+ Theo dõi diễn biến tài nguyên rừng được thực hiện thường xuyên, kịp thời theo quy định đối với toàn bộ diện tích trong lâm phận theo Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng.

+ Thực hiện giám sát đa dạng sinh học bằng công nghệ cao: Sử dụng bẫy ảnh và thiết bị thu âm trong giám sát các loài động vật; tổ chức các đợt điều tra, nghiên cứu giám sát các loài thực vật, đặc biệt là các loài thực vật quý, hiếm, các loài có giá trị cao. Giám sát các mối đe dọa của sinh vật ngoại lai ảnh hưởng tới đa dạng sinh học...

+ Xây dựng hệ thống các ô tiêu chuẩn (ÔTC) cố định trên các loại rừng, thu thập các số liệu về cấu trúc rừng, trữ lượng rừng, lượng tăng trưởng của rừng, loài cây phân bố, số cây trên cấp tính, mật độ tái sinh, lâm sản ngoài gỗ...

+ Xây dựng bộ cơ sở dữ liệu tài nguyên rừng và đa dạng sinh học một cách toàn diện, có hệ thống, tính tin cậy và đầy đủ các trường thông tin.

+ Sử dụng các phần mềm chuyên ngành (Mapinfo, ArcGIS, QGIS...) để

quản lý cơ sở dữ liệu tài nguyên rừng và ĐDSH.

+ Ứng dụng WebGIS để quản lý cơ sở dữ liệu tài nguyên rừng và ĐDSH trực tuyến.

- Xây dựng hệ thống cảnh báo mất rừng bằng ảnh vệ tinh và công nghệ viễn thám.

- Thường xuyên cập nhật tài nguyên rừng, DLST vào trang web của Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng.

- Điều tra, kiểm kê rừng: Định kỳ thực hiện nhiệm vụ điều tra, kiểm kê rừng trên toàn bộ diện tích của Vườn Quốc gia theo quy định.

4. Khái toán nhu cầu vốn và nguồn vốn đầu tư

a) Tổng hợp nhu cầu vốn

Tổng nhu cầu vốn thực hiện phương án quản lý rừng bền vững cho giai đoạn 2021 - 2030 là: 3.109.463 triệu đồng (*Ba nghìn một trăm linh chín tỷ, bốn trăm sáu mươi ba triệu đồng*).

b) Dự kiến nguồn vốn đầu tư

- Nguồn ngân sách Nhà nước: 1.177.335 triệu đồng, chiếm 37,86%.

- Nguồn vốn dịch vụ môi trường rừng (Hoạt động du lịch sinh thái): 537.969 triệu đồng, chiếm 17,3%.

- Nguồn vốn hỗ trợ quốc tế: 392.896 triệu đồng, chiếm 12,64%.

- Nguồn vốn liên doanh, liên kết, hợp tác đầu tư: 1.001.264 triệu đồng, chiếm 32,2%.

c) Phân khai kinh phí theo giai đoạn

- Giai đoạn 2021 - 2025: 1.597.926 triệu đồng, chiếm 51,4%

- Giai đoạn 2026 - 2030: 1.511.538 triệu đồng, chiếm 48,6%

5. Giải pháp thực hiện

Phương án quản lý rừng bền vững của Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng được triển khai thực hiện thông qua hệ thống các giải pháp về công tác quản lý, nguồn nhân lực; phối hợp với các bên liên quan; khoa học, công nghệ; nguồn vốn, huy động nguồn vốn đầu tư và các giải pháp khác.

Trên cơ sở Phương án quản lý rừng bền vững được phê duyệt, hàng năm Ban quản lý Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, dự án cụ thể cho từng hoạt động trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để triển khai thực hiện.

(Có thuyết minh và các loại bản đồ Phương án quản lý rừng bền vững Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng giai đoạn 2021 - 2030 kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ban quản lý Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng chịu trách nhiệm ✓

tổ chức thực hiện theo đúng nội dung phương án được duyệt, đồng thời tuân thủ nghiêm các quy định của Công ước về bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới của UNESCO, Luật Di sản văn hóa và những quy định có liên quan; kiểm tra, giám sát nội bộ, đánh giá các hoạt động theo kế hoạch kiểm tra, giám sát thực hiện phương án, báo cáo kết quả thực hiện phương án về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban quản lý Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng, căn cứ nguồn ngân sách, tham mưu bố trí kinh phí để thực hiện Phương án được phê duyệt có hiệu quả.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai thực hiện Phương án của Ban quản lý Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng đảm bảo đúng quy định; tổng hợp tình hình xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững trên địa bàn tỉnh báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND tỉnh theo quy định.

4. Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện: Bố Trạch, Minh Hóa có trách nhiệm phối hợp với Ban Quản lý Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng thực hiện có hiệu quả phương án quản lý rừng bền vững trong lâm phận được giao quản lý.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Văn hóa và Thể thao, Du lịch; Giám đốc Ban quản lý Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm; Chủ tịch UBND các huyện: Bố Trạch, Minh Hóa và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CVNN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



(Handwritten signature)
Đoàn Ngọc Lâm

Phụ lục 1: Hiện trạng sử dụng đất tính đến tháng 12 năm 2020 của Ban Quản lý VQG Phong Nha - Kẻ Bàng theo đơn vị hành chính cấp xã

(Kèm theo Quyết định số 3220 /QĐ-UBND ngày 08 /10/2021 của UBND tỉnh Quảng Bình)


Đơn vị tính: ha

TT	Loại đất	Diện tích	Phân theo các đơn vị hành chính cấp xã								
			Dân Hóa	Thượng Hóa	Hóa Sơn	Tân Trạch	Thượng Trạch	Phong Nha	Xuân Trạch	Phúc Trạch	Phú Định
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT	124.839,96	109,41	21.965,16	8.613,33	31.295,24	53.807,23	4.309,33	3.468,51	1.167,57	104,18
1	Đất nông nghiệp	124.826,09	109,16	21.964,92	8.612,91	31.295,24	53.806,98	4.298,46	3.467,84	1.166,40	104,18
1.1	Đất rừng sản xuất	324,84						324,84			
-	Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	324,84						324,84			
-	Đất có rừng sản xuất là rừng trồng										
-	Đất đang được sử dụng để phát triển rừng sản xuất										
1.2	Đất rừng phòng hộ	3.167,17				3.167,17					
-	Đất có rừng phòng hộ là rừng tự nhiên	3.167,17				3.167,17					
-	Đất có rừng phòng hộ là rừng trồng										
-	Đất đang được sử dụng để phát triển rừng phòng hộ										
1.3	Đất rừng đặc dụng	121.314,03	109,16	21.964,92	8.612,91	28.128,07	53.806,98	3.953,57	3.467,84	1.166,40	104,18
-	Đất có rừng đặc dụng là rừng tự nhiên	118.294,31	109,16	21.964,92	8.612,91	27.657,79	51.909,54	3.534,23	3.283,33	1.121,28	101,15
-	Đất có rừng đặc dụng là rừng trồng										
-	Đất đang được sử dụng để phát triển rừng đặc dụng	3.019,72				470,28	1.897,44	419,34	184,51	45,12	3,03
1.4	Đất nông nghiệp khác	20,05						20,05			
2	Đất phi nông nghiệp	13,87	0,25	0,24	0,42		0,25	10,87	0,67	1,17	
2.1	Đất trụ sở	13,87	0,25	0,24	0,42		0,25	10,87	0,67	1,17	

Phụ lục 2: Hiện trạng các loại rừng của Vườn Quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng
(Kèm theo Quyết định số **3.220** /QĐ-UBND ngày **08** /10/2021 của UBND tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị tính: ha

Phân loại rừng	Tổng cộng	Quy hoạch 03 loại rừng		
		Đặc dụng	Phòng hộ	Sản xuất
TỔNG	124.832,55	121.325,39	3.153,80	353,36
I. RỪNG PHÂN THEO NGUỒN GỐC	119.200,79	115.825,20	3.034,38	341,21
1. Rừng tự nhiên	119.167,85	115.794,77	3.034,38	338,70
- Rừng nguyên sinh	63.164,57	63.164,57		-
- Rừng thứ sinh	56.003,28	52.630,20	3.034,38	338,70
2. Rừng trồng	32,94	30,43	-	2,51
- Trồng mới trên đất chưa có rừng	32,94	30,43	-	2,51
- Trồng lại trên đất đã có rừng	-	-	-	-
- Tái sinh chồi từ rừng trồng	-	-	-	-
Trong đó: Rừng trồng cao su, đặc sản	16,13	16,13	-	-
- Rừng trồng cao su	16,13	16,13	-	-
- Rừng trồng cây đặc sản	-	-	-	-
II. RỪNG PHÂN THEO ĐIỀU KIỆN LẬP ĐỊA	119.200,79	115.825,20	3.034,38	341,21
1. Rừng trên núi đất	16.195,16	12.989,42	2.871,26	334,48
2. Rừng trên núi đá	103.005,63	102.835,78	163,12	6,73
3. Rừng trên đất ngập nước	-	-	-	-
- Rừng ngập mặn	-	-	-	-
- Rừng trên đất phèn	-	-	-	-
- Rừng ngập nước ngọt	-	-	-	-



Phân loại rừng	Tổng cộng	Quy hoạch 03 loại rừng		
		Đặc dụng	Phòng hộ	Sản xuất
4. Rừng trên cát	-	-	-	-
III. RỪNG TN PHÂN THEO LOÀI CÂY	118.838,69	115.794,77	3.034,38	9,54
1. Rừng gỗ	119.167,85	115.794,77	3.034,38	338,70
- Rừng gỗ lá rộng TX hoặc nửa rụng lá	119.051,48	115.678,40	3.034,38	338,70
- Rừng gỗ lá rộng rụng lá	-	-	-	-
- Rừng gỗ lá kim	-	-	-	-
- Rừng gỗ hỗn giao lá rộng và lá kim	-	-	-	-
2. Rừng tre nứa	-	-	-	-
- Nứa	-	-	-	-
- Vầu	-	-	-	-
- Tre/luồng	-	-	-	-
- Lò ô	-	-	-	-
- Các loài khác	-	-	-	-
3. Rừng hỗn giao gỗ và tre nứa	116,37	116,37	-	-
- Gỗ là chính	116,37	116,37	-	-
- Tre nứa là chính	-	-	-	-
4. Rừng cau dừa	-	-	-	-
IV. RỪNG GỖ TN PHÂN THEO TRỮ LƯỢNG	119.051,48	115.678,40	3.034,38	338,70
1. Rừng giàu	298,26	214,07	84,19	
2. Rừng trung bình	75.759,88	73.532,64	2.227,24	
3. Rừng nghèo	39.393,83	38.387,16	667,97	338,70

Phân loại rừng	Tổng cộng	Quy hoạch 03 loại rừng		
		Đặc dụng	Phòng hộ	Sản xuất
4. Rừng nghèo kiệt	3.599,51	3.544,53	54,98	
5. Rừng chưa có trữ lượng	-	-	-	-
V. ĐẤT CHƯA CÓ RỪNG QH CHO LN	5.631,76	5.500,19	119,42	12,15
1. Đất có rừng trồng chưa thành rừng	24,14	21,97	-	2,17
2. Đất trồng có cây gỗ tái sinh	2.145,63	2.078,58	64,42	2,63
3. Đất trồng không có cây gỗ tái sinh	693,04	639,66	50,87	2,51
4. Núi đá không cây	2.721,41	2.715,90	0,67	4,84
5. Đất có cây nông nghiệp	5,51	5,51	-	-
6. Đất khác trong lâm nghiệp	42,03	38,57	3,46	-